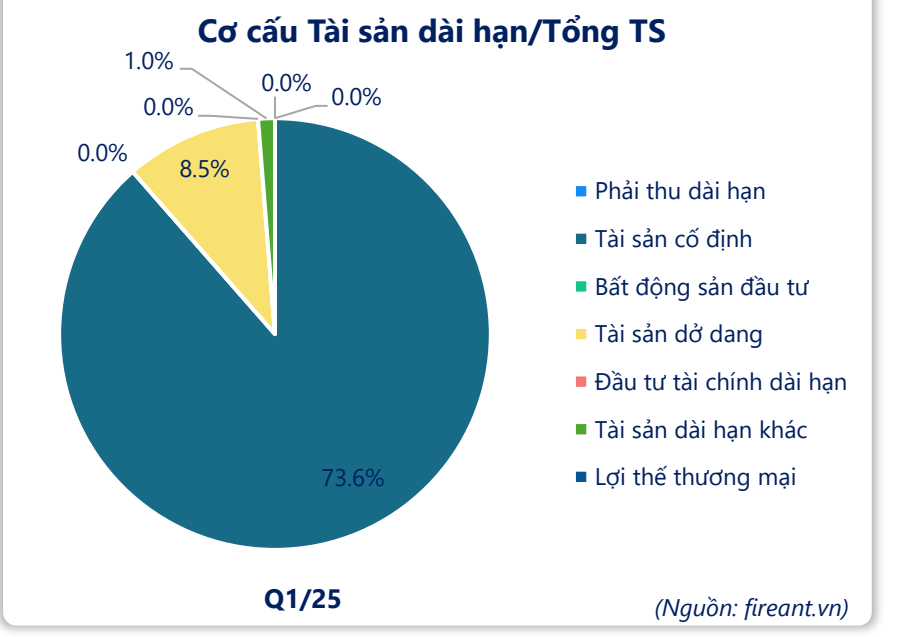
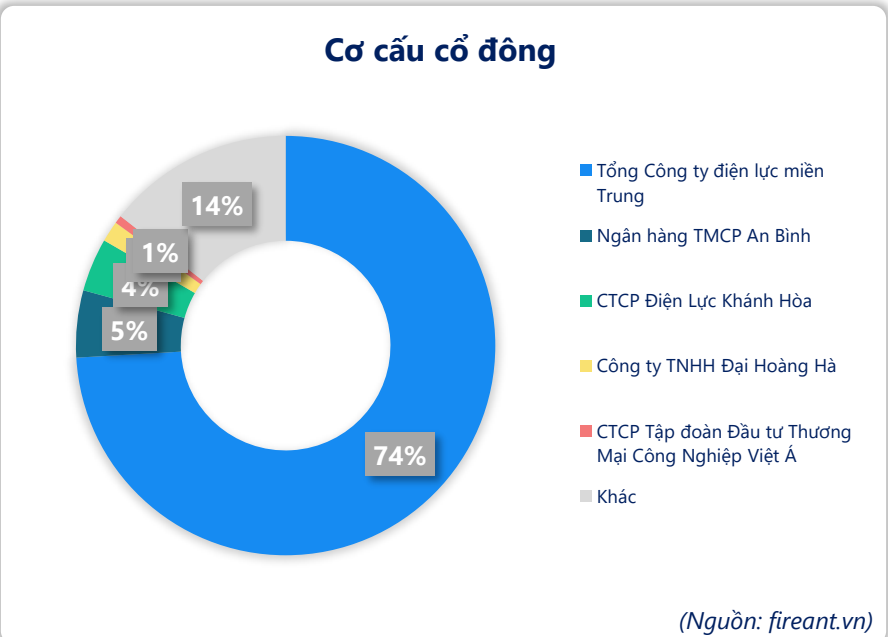
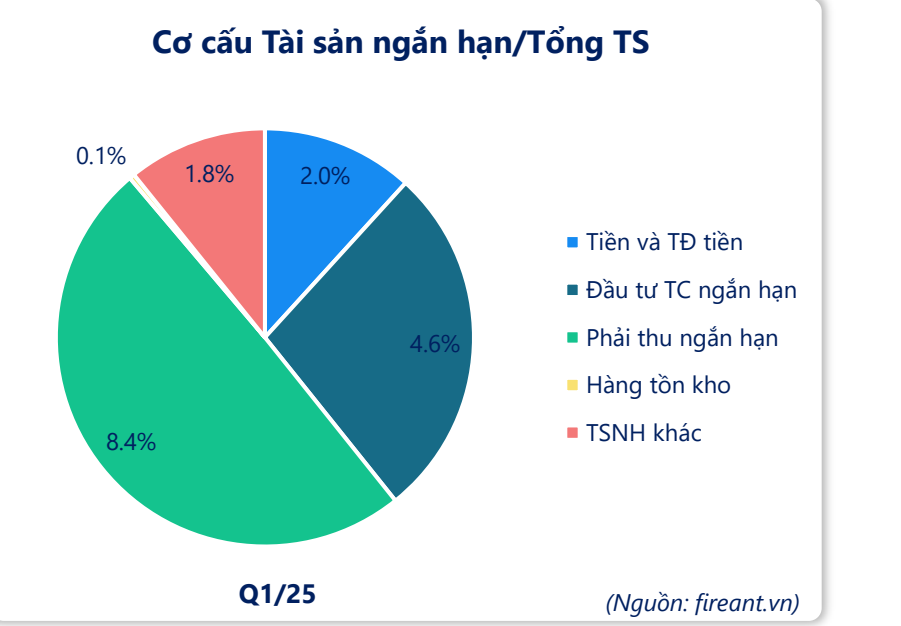
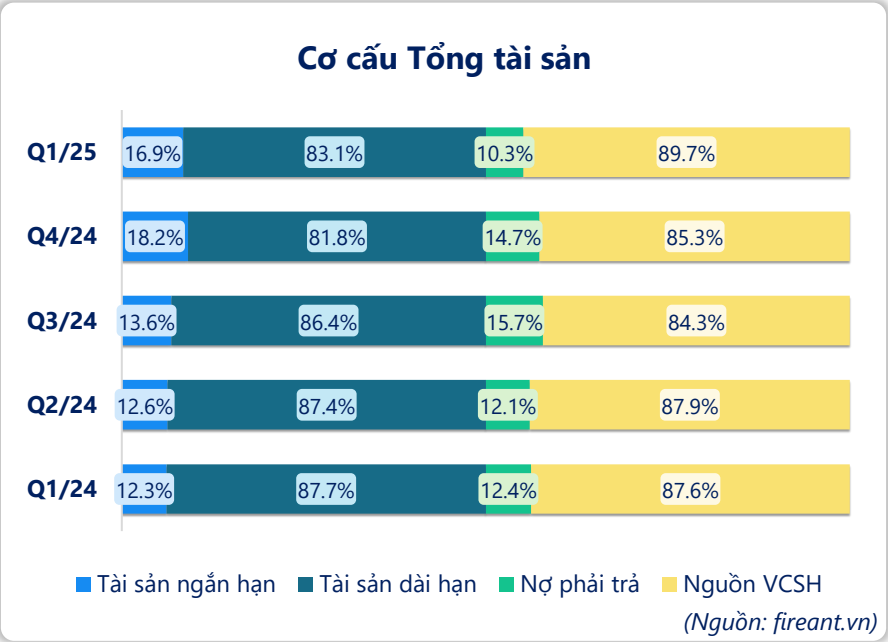
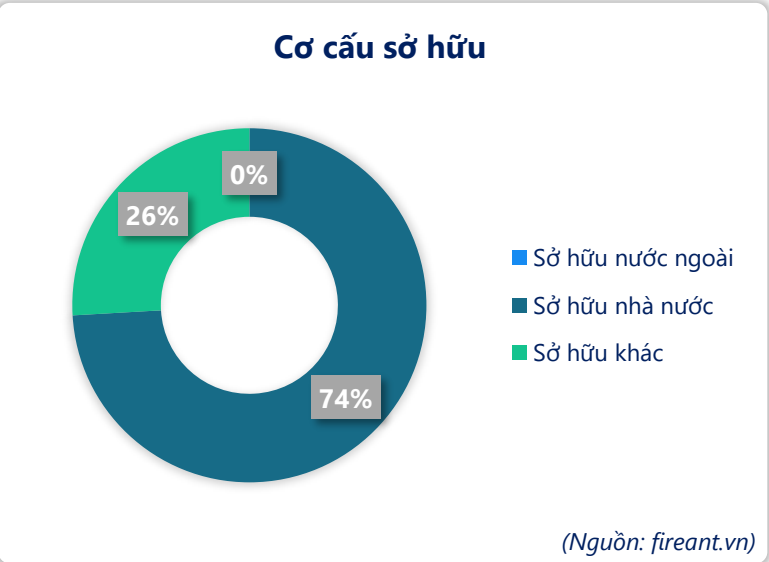
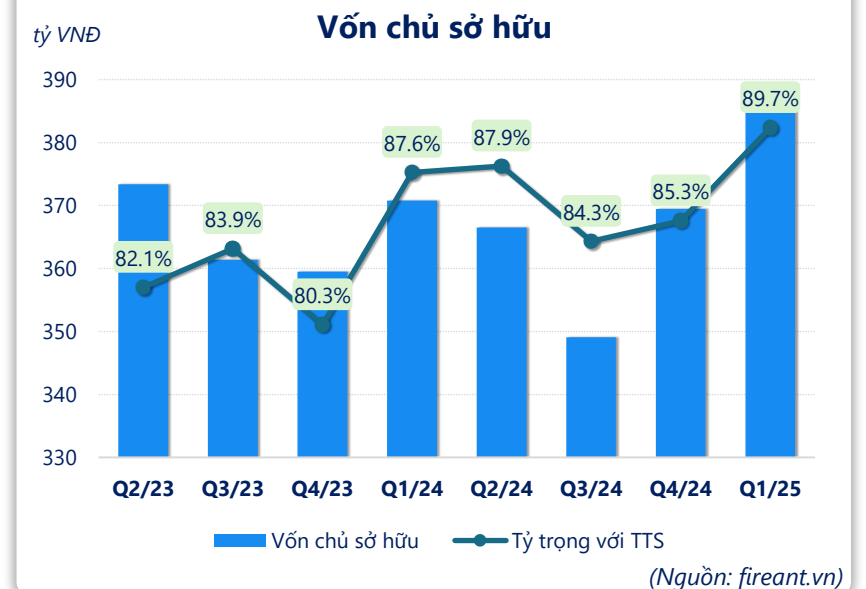
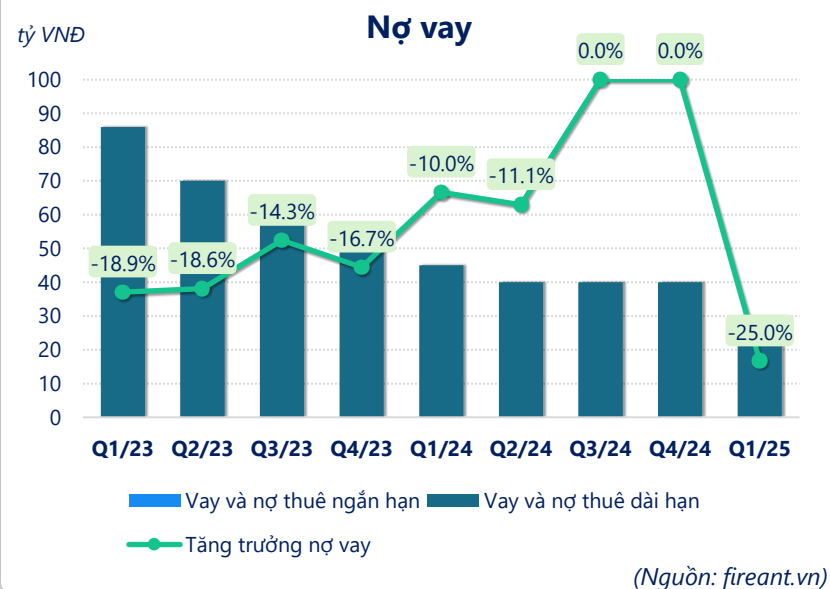
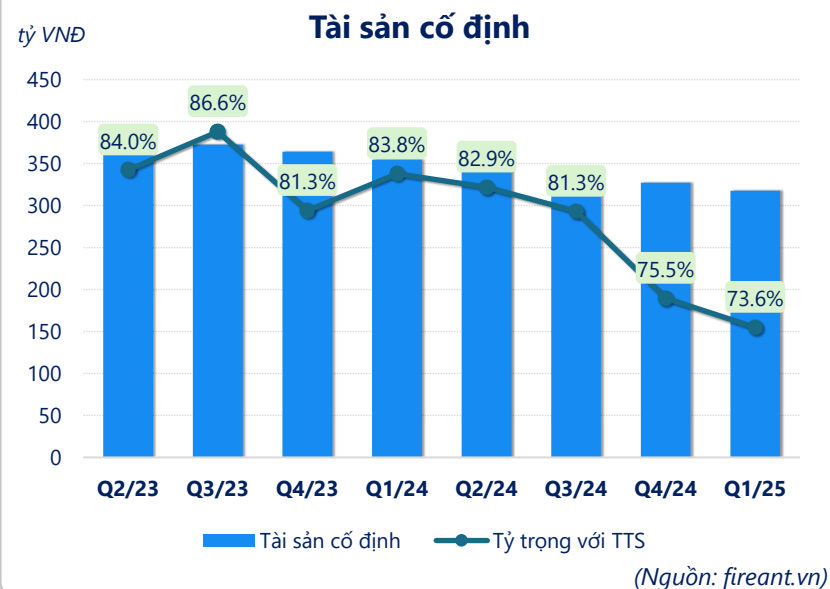
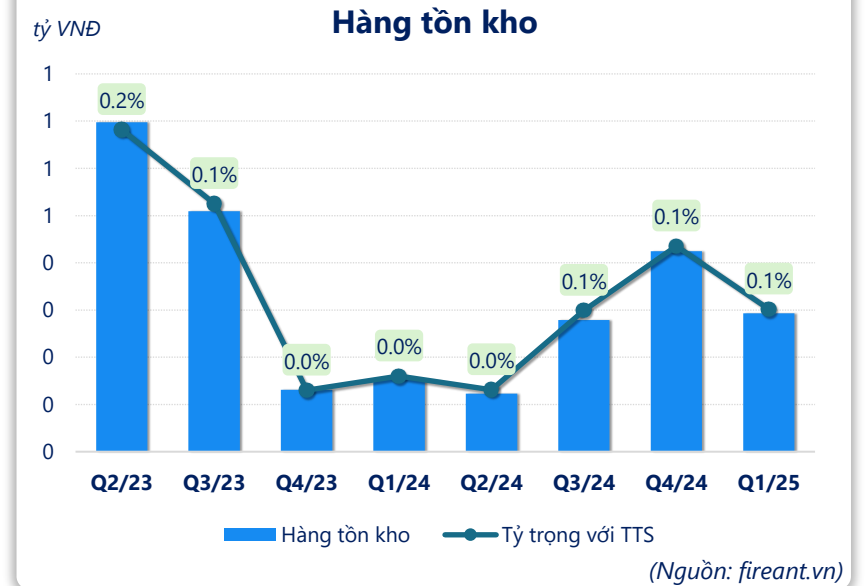
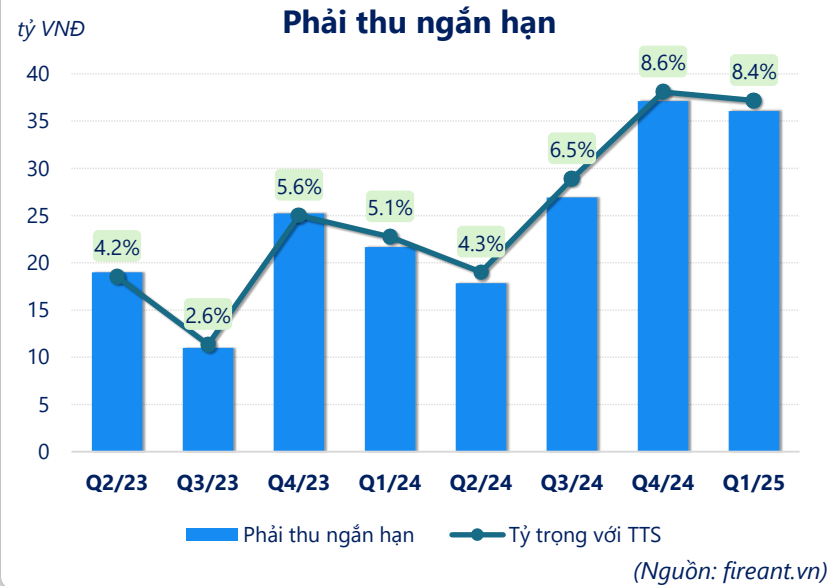
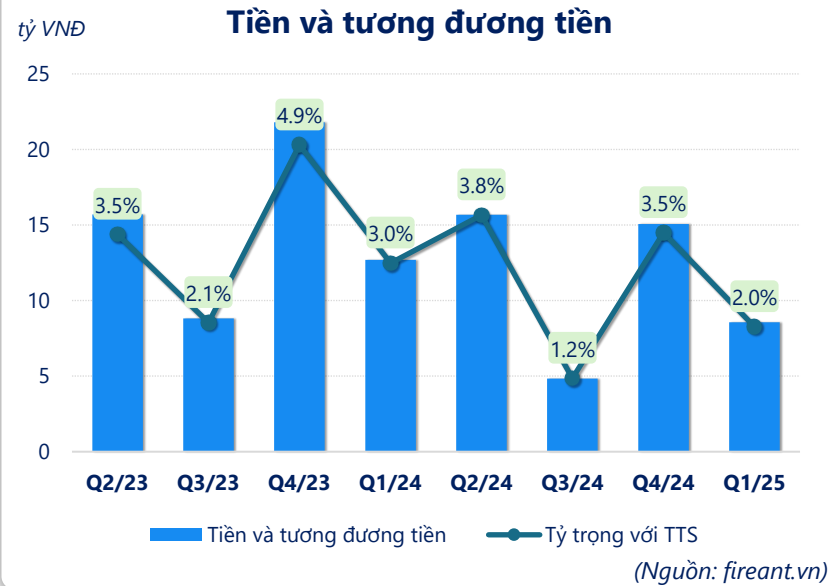
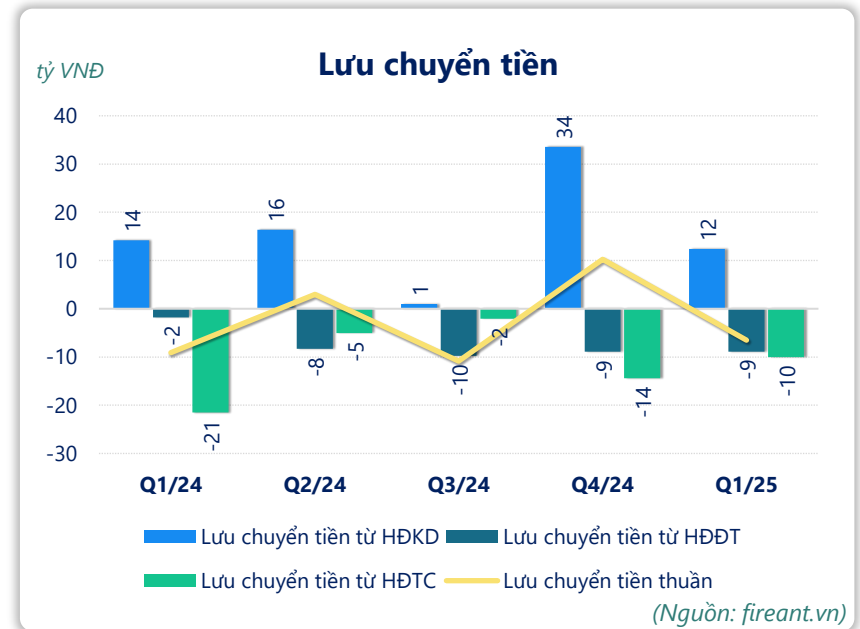
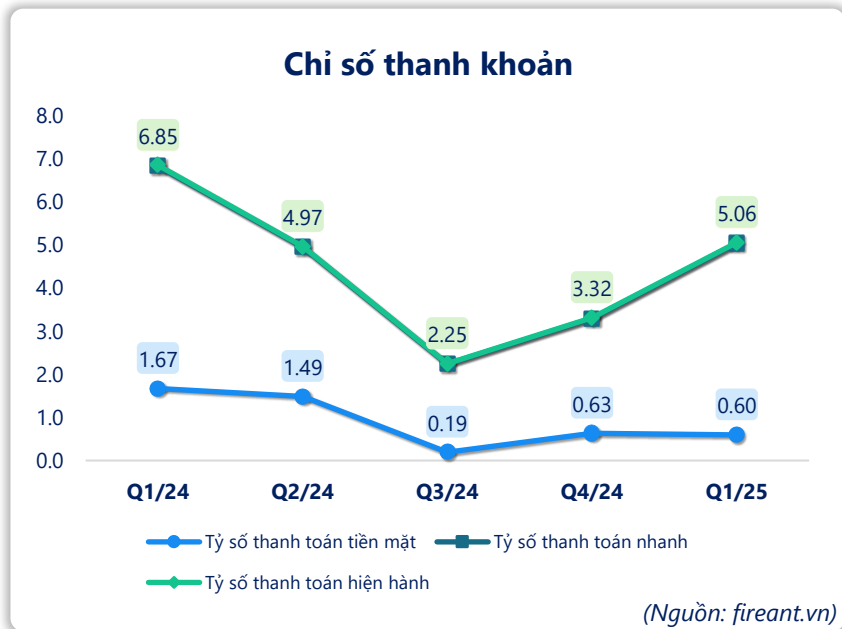
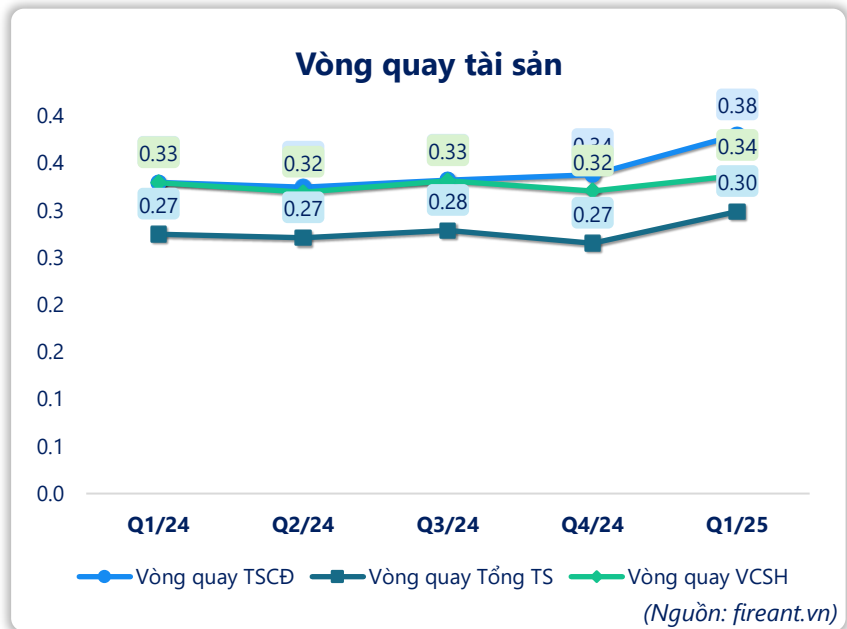
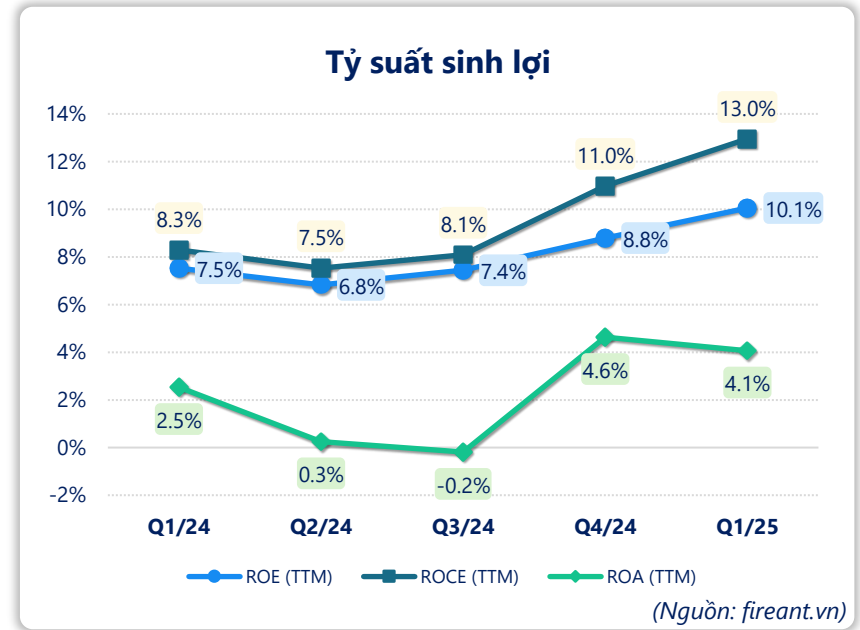
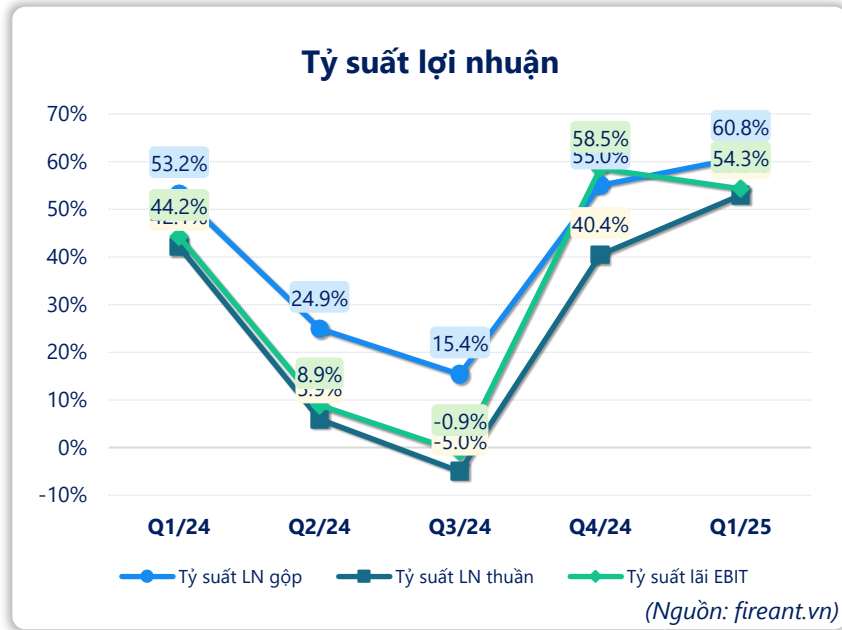
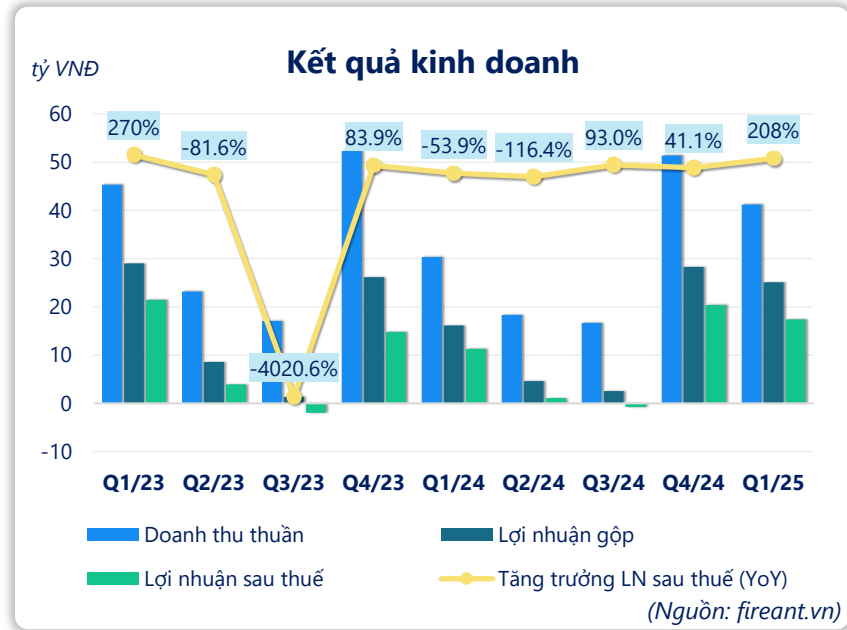


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,489
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,119
SL cổ phiếu LH		33,339,891
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,570
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		767
P/E		20.1
EPS		1,142

	YTD	1T	3T	6T
PIC	16.8%	16.8%	16.8%	-4.2%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	431	433	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	72.8	79.0	-7.8%
Tiền và tương đương tiền	8.56	15.1	-43.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	20.0	0.1%
Phải thu ngắn hạn	36.1	37.1	-2.8%
Hàng tồn kho	0.29	0.42	-31.0%
Tài sản ngắn hạn khác	7.85	6.38	23.1%
Tài sản dài hạn	359	354	1.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	318	327	-3.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.6	22.3	64.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.49	4.77	-5.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	44.4	63.7	-30.3%
Nợ ngắn hạn	14.4	23.7	-39.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.56	1.08	136%
Nợ dài hạn	30.0	40.0	-25.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	30.0	40.0	-25.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	387	370	4.7%
Vốn chủ sở hữu	387	370	4.7%
Vốn điều lệ	333	333	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	30.4	18.3	16.6	51.4	41.2
Giá vốn hàng bán	14.2	13.8	14.1	23.1	16.2
Lợi nhuận gộp	16.1	4.57	2.56	28.3	25.1
Doanh thu HĐTC	0.20	0.16	0.16	0.07	0.19
Chi phí TC	0.65	0.55	0.69	0.73	0.54
Chi phí lãi vay	0.65	0.55	0.69	6.86	0.54
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.92	3.10	2.87	6.81	2.88
LN thuần từ HĐKD	12.8	1.09	-0.84	20.8	21.8
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.00	2.43	0
LN trước thuế	12.8	1.09	-0.84	23.2	21.8
Lợi nhuận sau thuế	11.3	1.11	-0.80	20.4	17.4
LNST của CĐ cty mẹ	11.3	1.11	-0.80	20.4	17.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.2	16.4	1.01	33.6	12.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.82	-8.30	-9.79	-8.90	-8.89
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.5	-5.07	-2.07	-14.4	-10.0
Tiền đầu kỳ	21.8	12.7	15.7	4.83	15.1
Lưu chuyển tiền thuần	-9.12	3.00	-10.9	10.2	-6.51
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	12.7	15.7	4.83	15.1	8.56

(Nguồn: fireant.vn)